TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 1562/2026/DS-ST
Ngày 09-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hoàng Việt;

2. Bà Đàm Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà An Phương Trang.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1304/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 759/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1); Địa chỉ trụ sở: 266 – B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987. (theo Giấy ủy quyền số 520 ngày 14/02/2025). (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lưu Thế C, sinh năm 1988, Địa chỉ thường trú: A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Nhật Kinh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) trình bày như sau:

Ngày 30/11/2016 ông Lưu Thế C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.25 %/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Lưu Thế C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 210.224.475đ.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Lưu Thế C phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Lưu Thế C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 187.277.432đ (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lưu Thế C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lưu Thế C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/11/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 42.710.774đ làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 09/7/2026, ông Lưu Thế C còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc : 42.710.774đ
- Lãi quá hạn : 74.823.282đ
- Tổng cộng : 117.534.056đ

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 42.710.774đ với lãi suất quá hạn là 1.875%/ tháng (1.25 %* 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Lưu Thế C và yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá

hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Lưu Thế C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (trước là Ngân hàng TMCP S) yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc ông Lưu Thế C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/7/2026 là 117.534.056đ (Một trăm mười bảy triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng) trong đó:

•Nợ gốc: 42.710.774đ

•Lãi quá hạn: 74.823.282đ

- Và ông Lưu Thế C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Lưu Thế C, sinh năm 1988: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét, theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) ngày 06/10/2025 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xét, theo Đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú đề ngày 24/3/2026 do nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) cung cấp thể hiện bị đơn ông Lưu Thế C có hộ khẩu thường trú tại A P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Số cũ: B P, phường T (trước là Phường C, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.). Căn cứ Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Lưu Thế C đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; Ông Nguyễn Nhật Kinh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 30/11/2016 ông Lưu Thế C có ký với Ngân hàng TMCP S (tên mới:

Ngân hàng TMCP S1) (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo đó Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Lưu Thế C để tiêu dùng cá nhân với hạn mức là 50.000.000đ, số thẻ 526830-4916, lãi suất trong hạn là 1.25%/tháng. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa ông Thế C với Ngân hàng vào ngày 30/11/2016 có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 117, 118 và 119 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia.

[2.2] Theo Tóm tắt sao kê ngày 09/7/2026 do Ngân hàng cung cấp thể hiện quá trình sử dụng thẻ tín dụng thì từ ngày kích hoạt sử dụng thẻ ông Thế C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 210.224.475đ và thanh toán cho Ngân hàng được 187.277.432đ cho đến hết ngày 05/11/2018 thì ngừng thanh toán. Do ông Thế C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 06/11/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông Thế C và chuyển toàn bộ dư nợ với số tiền là 42.710.774đ sang nợ quá hạn, áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Xét việc ông Thế C không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận được quy định tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (tên mới: Ngân hàng TMCP S1) nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Thế C trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S thể hiện giữa Ngân hàng với ông Thế C thỏa thuận với nhau về việc: *"Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Chấm Dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ."*. Xét mức lãi suất mà các bên thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Theo Thông báo số 46/TB-TTT ngày 07/3/2012 của Ngân hàng TMCP S thì mức lãi suất mà Ngân hàng hiện nay đang áp dụng là 1.25%/tháng nên lãi suất quá hạn là 1.875%/tháng = (150% x 1.25%/tháng). Vậy, tổng số tiền mà ông Lưu Thế C phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 09/7/2026 là 117.534.056đ (Một trăm mười bảy triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 42.710.774đ, Nợ lãi quá hạn: 74.823.282đ

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì *"...Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải*

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật…”; *“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn”*, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Thế C phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 10/7/2026 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 233; Điều 227, 228, 233 và 238; Điều 266; Điều 271, 273; Điều 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ Điều 117, 118 và 119 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lưu Thế C phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 09/7/2026 là 117.534.056đ (Một trăm mười bảy triệu, năm trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc: 42.710.774đ, Nợ lãi quá hạn: 74.823.282đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Thế C phải chịu số tiền là 5.876.703đ (Năm triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn, bảy trăm lẻ ba đồng). H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) số tiền 2.591.330đ (Hai triệu, năm trăm chín mươi mốt ngàn, ba trăm ba mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039169 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND KV4, Tp.HCM
- Thi hành án dân sự, Tp.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Ngọc